

Bản án số: 07/2023/HS-ST  
Ngày 29 - 9 - 2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Đàm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Chiêu**

Bà **Lương Thị Nhiều**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Dung** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Ông **Lộc Thế Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm (Phòng xử án trực tuyến Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang) và điểm cầu thành phần (Trại Tạm giam Công an tỉnh Hà Giang), xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2023/TLST- HS ngày 04 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Giàng Mí C** (tên gọi khác: *Không*) - Sinh ngày 05/6/1990, tại xã TPT, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn STC, xã TPT, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh nhân dân số: 073442xxx, do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 21/11/2012; con ông Giàng Nỏ X (sinh năm 1954) và bà Hờ Thị M (sinh năm 1953); có vợ là: Giàng Thị L (sinh năm 1995) và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 08/3/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- **Người bào chữa cho bị cáo Giàng Mí C:** Bà **Nguyễn Thị Hiến** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- **Bị hại:** Anh **Vừ Mí S** - Sinh năm 1988; địa chỉ: Đội 5, xã NL, huyện V, tỉnh Hà Giang, nghề nghiệp: Làm nương. (Có mặt);

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:** Ông **Nguyễn Xuân**

**Giang** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người làm chứng: 1. Anh **Vàng Văn M**; 2. Anh **Giàng Mí S1**; 3. Anh **Vàng Mí D**; 4. Chị **Vừ Thị S7**; 5. Chị: **Vàng Thị Gi**; 6. Chị **Vàng Thị C1**; 7. Ông **Vàng Sính C**; 8. Chị **Giàng Thị L**; 9. Anh **Vừ Nở Gi**; 10. Chị **M Thị M1**; 11. Anh **Vàng Mí Ch**; 12. Anh **Vàng Sìa S2**; 13. Anh **Vừ Mí Ch**; 14. Anh **Giàng Mí D1**; 15. Ông **Giàng Văn S3**; 16. Anh **Vàng Mí S4**; 17. Ông **Vàng Chúa C2**; 18. Anh **Vừ Mí Gi** (*tên gọi khác: Vừ Sính Gi*); 19. Anh **M Mí L1**; 20. Anh **M Mí D2**; 21. Anh **Vừ Mí V**; 22. Ông **Vừ Chìa S5**; 23. Anh **Vừ Chứ L2**; 24. Ông **Vừ Nhìa S6**.

Có mặt: Chị Vàng Thị C1, chị Giàng Thị L, ông Vừ Chìa S5, anh Vừ Chứ L2. Vắng mặt: Anh Vừ Mí Gi, anh Vừ Mí V (có đơn xin xét xử vắng mặt). Vắng mặt: Anh Vàng Văn M, anh Vàng Mí D, chị Vừ Thị S7, chị Vàng Thị Gi, ông Vàng Sính C, anh Vừ Nở Gi, chị M Thị M1, anh Vàng Mí Ch, anh Vàng Sìa S2, anh Vừ Mí Ch, anh Giàng Mí D1, ông Giàng Văn S3, anh Vàng Mí S4, ông Vàng Chúa C2, anh M Mí L1, anh M Mí D2, ông Vừ Nhìa S6 (không lý do).

+ Người phiên dịch: Anh **Ly Mí Già**; địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 03 phút ngày 27/12/2017, Giàng Mí C được Vàng Văn M (sinh năm 1989; trú tại thôn TCL, xã TPT, huyện Đ) gọi điện bảo C sang nhà M để nhờ C đi sang thị trấn Đ cùng M bắt Vừ Mí S (sinh năm 1988, trú tại thôn LX, xã SL, huyện Đ), do S có quan hệ bất chính với vợ M là Vừ Thị S7, đưa về nhà M để giải quyết, C đồng ý. Sau đó, C về nhà lấy điện thoại gọi cho Giàng Mí S1 (sinh năm 1988, trú tại thôn TP B, xã TP, huyện Đ) nhờ S1 đi cùng mình, giúp M bắt S, S1 đồng ý; hai người hẹn gặp nhau tại nhà M. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, C đi xuống nhà M thì thấy M, Vừ Thị S7 (vợ M) cùng Vàng Thị Gi (sinh năm 2003, trú cùng thôn với M) và Vàng Mí D (sinh năm 1994, trú tại thôn STC, xã TPT, huyện Đ), cũng được M nhờ cùng đi bắt S, đang đi xuống đường. C nói với M “*C đã gọi điện nhờ Giàng Mí S1 đến để cùng đi bắt S và được S1 đồng ý*”. Sau đó, M lùi xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER, màu sơn bạc, biển kiểm soát 23C-040.62 ra ngoài đường thì Say đến. Do số người đông nên C đi xe máy của C ra thị trấn Đ trước, M, D, S1, Gi và S7 đi ô tô của M đi theo sau xe máy của C ra thị trấn Đ. Khi đến gần khu vực công phụ của Chợ Trung tâm thị trấn thuộc tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ thì M xuống xe bảo C dắt xe máy lên phía trước xe ô tô của M để S7, Gi đi đứng cạnh xe C chờ S đến thì bắt, C đồng ý và cho xe máy tiến lên phía trước xe ô tô của M (hai xe cách nhau khoảng 14,5m). Sau đó, M bắt S7 gọi điện cho S hẹn gặp nhau ở gần khu vực công phụ lối xuống Chợ trung tâm thị trấn, rồi M bảo S7, Gi xuống xe đi ra vị trí

xe máy C đứng, C lên xe ô tô M ngồi. M dặn C, D, Say “khi nào S đến, S7 ngồi lên xe S thì cùng nhau bắt S và xe máy của S lại không cho S chạy thoát, tất cả đều đồng ý và ngồi trong xe đợi”.

Khoảng 19 giờ 10 phút cùng ngày, S một mình đi xe máy đến chỗ S7, Gi đang đứng. Khi nhìn thấy S7, S dừng xe nói chuyện với S7, S7 bước đến và ngồi lên sau xe máy S. Lúc này, M, Say, C, D xuống xe chạy ra chỗ S, S7 đang đứng rồi M lao vào dùng chân, tay đánh vào người S, còn C, D, S1 cùng nhau đứng ép bên cạnh S; C còn dùng tay ghì vào vai của S giữ không cho S bỏ chạy. Sau đó, M bảo C, D, Say bắt S lên xe ô tô đưa về nhà M để giải quyết sự việc. Lúc này, C dùng tay trái giữ tay phải S, S1 dùng tay phải giữ tay trái S, còn M đi phía sau để không cho S bỏ chạy. Khi đến vị trí đỗ xe ô tô thì M mở cửa xe phía sau bên tay trái ra để cho S, C lên xe ngồi, còn S1 thì đi vòng lại qua trước đầu xe sang hàng ghế phía sau bên tay phải ngồi; S ngồi giữa C và S1 ở hàng ghế phía sau xe còn S1 ngồi ghế phụ lái, M ngồi vị trí lái; Gi điều khiển xe máy của C, D đi xe máy của S, rồi tất cả cùng nhau đi về nhà M. Khi đến đoạn đò thông thuộc thôn ĐK, thị trấn Đ, do sợ S xóa cuộc gọi và tin nhắn trong điện thoại nên C đã bảo S đưa điện thoại cho C cầm. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày thì đến nhà M. Mọi người cho S vào ngồi ghế cạnh cửa buồng ngủ, bên phải S là S1, tiếp đến là D, M, C, sau lưng C là S7. Tất cả ngồi vòng tròn quanh bàn uống nước, rồi C lấy điện thoại của S đặt lên bàn uống nước. M hỏi S “*quen biết với S7 bao lâu rồi, quen nhau như thế nào và đã quan hệ tình dục với nhau bao nhiêu lần*”, S trả lời “*S quen S7 được 3 tháng, gặp nhau 02 lần, mỗi lần gặp đều quan hệ tình dục với nhau*”. Nghe xong M bực tức dùng chân đá vào người, mang tai trái của S rồi M đi ra gầm cầu thang lấy một đoạn dây điện màu vàng dài 1,27m đánh S7, một lúc sau thì C đi về nhà lấy rượu.

Đến khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày, C quay trở lại nhà M thì thấy M đang chửi và bắt S, S7 quỳ giữa nhà rồi bắt cởi hết quần áo ra. Thấy S7 là phụ nữ nên C, D bảo S7 không phải quỳ và cởi quần áo, còn S thì bắt cởi áo không phải cởi quần. Do sợ bị M đánh nên S quay ra xin lỗi M nhưng M không đồng ý. M bắt S phải lấy vợ M và có trách nhiệm nuôi hai con của M đến 18 tuổi, S không đồng ý. M đưa ra cho S ba yêu cầu để giải quyết: Một là, S phải lấy vợ và nuôi con của M đến 18 tuổi; hai là, đưa ra pháp luật giải quyết; ba là, S phải bồi thường tiền cho M. Lúc này do lo sợ nên S đồng ý với yêu cầu thứ ba của M là bồi thường tiền cho M. M nói “*hai trăm triệu mà có không*”, S nói không có tiền nhiều như vậy để trả. Lúc này, M đi vào gầm cầu thang lấy con dao cùng với đoạn dây điện màu vàng sử dụng đánh S7 trước đó ra chỉ vào mặt S nói với S nếu không trả tiền thì M sẽ đập gãy chân rồi đưa S ra đường lấy ô tô kẹp chết. S nói chỉ trả M 20.000.000 đồng. C nói “*nếu S không có 200.000.000 đồng thì phải trả 100.000.000 đồng*”. S nói không có tiền, chỉ trả số tiền 60.000.000 đồng, M không đồng ý. Tiếp đó, S1 đứng dậy đi ra trước mặt S, dùng tay trái tát hai phát vào hai bên má của S rồi quay lại vị trí ngồi. M tiếp tục yêu cầu S trả số tiền 100.000.000 đồng nhưng S không đồng ý. D nói “*nếu như lấy số tiền 60.000.000 đồng đấy thì ra ngoài người ta nói mình cho vợ đi ngoại tình xong đi bắt lấy tiền thì cũng mất mặt*”. Do thấy M, S không thống nhất được số tiền nên

C đã tự mình đứng ở giữa nói với hai người “*nếu hai người chưa thống nhất được số tiền thì lấy khoản tiền giữa của 100.000.000 đồng và 60.000.000 đồng là 80.000.000 đồng, hai người có đồng ý không?*”. Nghe C nói vậy, M, S đều đồng ý với số tiền là 80.000.000 đồng. C nói với S “*nếu S đồng ý thì đừng dậy mặc áo vào rồi gọi điện về cho gia đình mang tiền đến trả thì sẽ cho về nhà*”. S đứng dậy mặc áo và gọi điện về nhà cho gia đình mang tiền đến trả cho M, lúc này vào khoảng 21 giờ 10 phút cùng ngày. Khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày thì ông Vũ Thừa S5 (bố đẻ S); Vũ Sinh Gi, Vũ Chứ L2 (anh ruột S) và Vàng Thị C1 (vợ S) đến nhà M nói chuyện và đồng ý trả cho M số tiền 80.000.000 đồng. C lúc này chỉ ngồi nghe mọi người thống nhất và không nói gì, đến khoảng 00 giờ ngày 28/12/2017 C đi về nhà ngủ còn sự việc xảy ra về sau như nào thì C không biết.

Sau khi nhận được đơn tố giác của Vũ Mí S, ngày 22/01/2018 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định khởi tố vụ án số 05/QĐ về tội: Cưỡng đoạt tài sản, quy định tại khoản 2 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 xảy ra ngày 27/12/2017 tại thôn TCL, xã TPT, huyện Đ.

Ngày 14/9/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang ra Quyết định số 02/QĐ-VKSHG kháng nghị phúc thẩm bản án số 09/2018/HS-ST ngày 16/8/2018 theo hướng hủy bản án của Tòa án nhân dân huyện Đ để điều tra, truy tố, xét xử lại. Tại Bản án số 32/2018/HS-PT ngày 15/11/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang.

Ngày 22/01/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự số 01/QĐ-CQĐT về tội: Bắt người trái pháp luật, quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Ngày 20/02/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định khởi tố bị can số 11/QĐ-CQĐT; Lệnh bắt bị can để tạm giam số 03/LBTG đối với Giàng Mí C về tội: Bắt người trái pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Cưỡng đoạt tài sản quy định khoản 2 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999, để phục vụ cho công tác điều tra, giải quyết vụ án. Tuy nhiên, từ khoảng tháng 8 năm 2018 Giàng Mí C đã bỏ đi khỏi địa phương sang Trung Quốc làm thuê. Ngày 24/5/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định truy nã số 01/QĐ-TNBC đối với Giàng Mí C nhưng không bắt được C do vậy ngày 24/6/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định tách vụ án hình sự số 01/QĐ tách hành vi Bắt người trái pháp luật và Cưỡng đoạt tài sản của Giàng Mí C ra thành một vụ án khác.

Ngày 28/7/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 02/QĐ và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 01/QĐ-CQĐT đối với Giàng Mí C.

Ngày 08/3/2023 bị can Giàng Mí C đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Cùng ngày cơ quan điều tra đã ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự số 01/QĐ-CQĐT; Quyết định phục hồi điều tra bị can số 01/QĐ-CQĐT và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Giàng Mí C phục vụ cho việc điều tra, giải quyết vụ án.

Quá trình điều tra bị , bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình vào ngày 27/12/2017 tại tổ 2 thị trấn Đ và thôn TCL, xã TPT, huyện Đ.

Tại bản Cáo trạng số: 06/CT-VKSĐV ngày 14/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Giàng Mí C về tội "Bắt người trái pháp luật" quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 1999 và "Cưỡng đoạt tài sản" quy định khoản 2 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999. Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Giàng Mí C phạm tội "Bắt người trái pháp luật" quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 1999 và "Cưỡng đoạt tài sản" quy định khoản 2 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999". Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17, Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt Giàng Mí C từ 03 đến 06 tháng tù về tội "Bắt người trái pháp luật" và từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản", không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, giải quyết vụ án Giàng Mí C đã ủy quyền cho vợ mình là Giàng Thị L giúp mình bồi thường về tổn thất, tinh thần, danh dự, nhân phẩm cho bị hại Vừ Mí S với số tiền là 1.000.000 đồng. Nay bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên đề nghị trả lại cho bị cáo. Về án phí, do bị cáo là người dân tộc thiểu số, hiện đang sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như đã nêu trong bản cáo trạng. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người làm chứng; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ và bản ảnh hiện trường, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Anh Vừ Mí S trình bày ý kiến: Anh nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo, riêng số tiền 1.000.0000 đồng do gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường thì anh không nhận mà trả lại cho bị cáo. Ngoài ra, anh không bổ sung ý kiến gì, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, bị cáo nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh tuy nhiên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bà Nguyễn Thị Hiến - Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với tội "Cưỡng đoạt tài sản" để xử phạt bị cáo mức hình phạt là 24 tháng tù.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không bổ sung lời bào chữa. Khi nói lời sau cùng, bị cáo tỏ rõ sự ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Ông Nguyễn Xuân Giang - Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích

hợp pháp cho bị hại trình bày: Nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo; nhất trí với ý kiến của bị hại về phần trách nhiệm dân sự.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận có hành vi như bản nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác; chứng minh đầy đủ, toàn diện các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo là có căn cứ. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy hành vi của bị cáo Giàng Mí C đã đủ yếu tố C thành tội "Bắt người trái pháp luật" quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 1999 và "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và có cơ sở để kết luận: Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: "*Người nào bắt người trái pháp luật, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm*".

[4] Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

1. *Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.*

2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:*

a)...

...

d) *Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;*

..."

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền tự do về thân thể của bị hại, không những thế còn xâm phạm đến quyền

sở hữu tài sản của bị hại, là các khách thể được luật hình sự bảo vệ. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội mà bị cáo đã gây ra.

[6] Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường về tổn thất tinh thần, danh dự, nhân phẩm cho bị hại. Hơn nữa, sau thời gian đi làm thuê ở Trung Quốc, khi về nhà biết mình bị khởi tố, bị cáo đã thực hiện việc đầu thú. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Do vậy, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

[7] Xét vai trò của bị cáo trong mối liên hệ tương quan với Vàng Văn M, Giàng Mí S1, Vàng Mí D trong việc thực hiện hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy: Đối với tội "Bắt người trái pháp luật": Sau khi được Vàng Văn M gọi điện nhờ đi cùng ra thị trấn Đ bắt Vũ Mí S về để làm rõ mối quan hệ bất chính giữa vợ M và S, bị cáo đồng ý rồi gọi điện thoại rủ thêm Giàng Mí S1 đi cùng, bị cáo đã trực tiếp có những hành động cùng D, S1 ép đưa bị hại S về nhà M như: Đứng ép bên cạnh, dùng tay ghì vào vai, giữ tay cùng Giàng Mí S1, Vàng Mí D ép bị hại Vũ Mí S lên xe ô tô. Bị cáo C có vai trò tương đương với Vàng Mí D. Đối với tội "Cưỡng đoạt tài sản": Khi Vàng Văn M thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản (tiền) của bị hại Vũ Mí S, bị cáo đã đồng ý và có những lời nói gây áp lực cho anh Vũ Mí S rồi tự mình đứng giữa đưa ra thỏa thuận số tiền 80.000.000 đồng cho hai bên và được M, S đồng ý. Do vậy, bị cáo là đồng phạm trong vụ án với vai trò là người thực hành tích cực, bị cáo có vai trò thứ hai trong việc thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản.

[8] Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở cân nhắc đầy đủ và toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời hạn nhất định, có như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo ở cả hai tội là phù hợp, đánh giá đúng vai trò của bị cáo trong mối quan hệ tương quan với Vàng Văn M, Giàng Mí S1, Vàng Mí D trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận quan điểm của người bào chữa áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định mức hình phạt dưới khung ở tội "Cưỡng đoạt tài sản".

[9] Xét thấy, nghề nghiệp của bị cáo là làm nương nên không áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo ở tội "Bắt người trái pháp luật"; bị cáo thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo ở tội "Cưỡng đoạt tài sản".

[10] Trong vụ án này còn có Vàng Văn M, Giàng Mí S1, Vàng Mí D là những người tham gia cùng với bị cáo C thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, cả 3 người trên đã bị các cơ quan tiến hành tố tụng xử lý, giải quyết tại Bản án

hình sự sơ thẩm số 12/2019/HSST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ và Bản án hình sự phúc thẩm số 22/2019/HS-PT ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, do vậy không đề cập, xử lý giải quyết trong vụ án này. Đối với Vàng Thị Gi, Giàng Thị L, Vàng Mí Ch và Vàng Sìa S2, trong quá trình điều tra, xác minh giải quyết vụ án xác định được Gi, L, Ch, S2 không liên quan đến hành vi bắt người hay cưỡng đoạt tài sản, do vậy không đề cập, xử lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với việc bị cáo qua lại biên giới không làm thủ tục nhập cảnh, ngày 26/5/2023 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC về hành vi qua lại biên giới không làm thủ tục nhập cảnh đối với bị cáo với số tiền là 4.000.000 đồng là phù hợp.

[12] Trong khi bị cáo đang bị tạm giam đã ủy quyền cho vợ là chị Giàng Thị L giúp mình nộp tiền bồi thường về tôn thất, tinh thần, danh dự, nhân phẩm cho bị hại Vừ Mí S số tiền 1.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Nay bị hại Vừ Mí S không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, không nhận khoản tiền bồi thường nên cần trả lại cho bị cáo số tiền 1.000.000 đồng, do không liên quan đến hành vi phạm tội, theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13] Trong quá trình điều tra xác định các vật chứng được Giàng Mí C cùng Vàng Văn M, Giàng Mí S1, Vàng Mí D sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại Vừ Mí S trong vụ án đã được các cơ quan tiến hành tố tụng xử lý tại Bản án sơ thẩm số 12/2019/HS-ST ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, do vậy không đề cập, xử lý giải quyết. Đối với chiếc điện thoại di động được bị cáo sử dụng để nghe các cuộc gọi của Vàng Văn M và gọi điện rủ Giàng Mí S1 tham gia cùng với C giúp M bắt Vừ Mí S. Quá trình điều tra, xác định được do chiếc điện thoại bị rơi xuống nước và hỏng khi bị cáo đang làm thuê tại Trung Quốc nên bị cáo đã vứt đi, Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm do vậy không đề cập, xử lý giải quyết. Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn xanh (*không nhớ biển kiểm soát*) mà Giàng Mí C sử dụng để đi ra thị trấn Đ giúp Vàng Văn M bắt Vừ Mí S. Quá trình điều tra, xác định được khi bị cáo đang làm thuê tại Trung Quốc, do gia đình gặp khó khăn nên vợ bị cáo là Giàng Thị L đã bán chiếc xe trên cho một cặp vợ chồng khoảng 30 tuổi (*không biết tên, địa chỉ*) tại chợ Trung tâm thị trấn Đ, huyện Đ, đến nay bị cáo và vợ không nhớ biển kiểm soát, số khung, số máy của chiếc xe nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm, do vậy, không đề cập, xử lý giải quyết.

[14] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin được miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[15] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*



## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Giàng Mí C phạm các tội: "Bắt người trái pháp luật" và "Cưỡng đoạt tài sản".

**2. Hình phạt:** Căn cứ vào khoản 1 Điều 123; điểm d khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Giàng Mí C 03 (ba) tháng tù về tội: "Bắt người trái pháp luật" và 03 (ba) năm tù về tội: "Cưỡng đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt chung đối với cả hai tội là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 08/3/2023).

Không áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo ở tội "Bắt người trái pháp luật"; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo ở tội "Cưỡng đoạt tài sản".

**3. Về vật chứng:** Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Giàng Mí C [chị Giàng Thị L - Sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn STC, xã TPT, huyện Đ, tỉnh Hà Giang (vợ bị cáo) là người nhận thay] số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng chẵn), theo Biên lai thu tiền số 0002702, ngày 30/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

**4. Án phí:** Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

**5. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

**6. Về điều kiện thi hành án:** *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại Điều 7 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đ;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Đ;
- CQTHAHS Công an huyện Đ;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở tư pháp;
- Hồ sơ thahs;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Đàm**